

Bản án số: **319/2022/HS - PT**

Ngày: 15/8/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Tồn.**

Các Thẩm phán: Ông **Phạm Việt Cường.**
Ông **Nguyễn Tấn Trường**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lương Quang Toàn**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Trần Viết Tuấn** – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 252/2022/TLPT-HS ngày 20 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo Trần Thị S về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Do bản án hình sự sơ thẩm số 37/2022/HS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

*** Bị cáo bị kháng cáo:**

Trần Thị S, (tên gọi khác: Keo), sinh ngày 13/9/1990 tại Kon Tum; Nơi ĐK HKTT: thôn N, xã S1, huyện S2, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hùng P, sinh năm 1969; con bà Hà Thị Bé E, sinh năm 1970; chồng là Võ Nguyên Quang T (Đã ly hôn); có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt ngày 04/11/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo theo yêu cầu của Tòa án: Luật sư Phạm Ngọc Q – Luật sư của Văn phòng luật sư QP thuộc Đoàn luật sư tỉnh Gia Lai. Địa chỉ: 40 đường L, Phường D, thành phố P1, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

* **Bị hại:** Anh Lương Đình Đ, sinh năm 1977. Địa chỉ: công trường 306 tập thể Q1, quận B1, Hà Nội. Vắng mặt.

* **Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho anh Lương Đình Đ:** Luật sư Phan Minh T - Văn Phòng Luật sư B2, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; Địa chỉ: 173 đường X, quận C1, Hà Nội. Vắng mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 01 người bị hại khác, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trên cơ sở kết quả điều tra xác định được như sau: Trong thời gian từ tháng 5/2018 đến tháng 3/2020, Trần Thị S nhiều lần dùng thủ gian dối đưa ra nhiều thông tin không có thật làm cho chị Lê Thị Hồng L2 và anh Lương Đình Đ tin là thật đưa tiền cho S mượn để làm ăn, để xin việc làm, để mở thân, góp vốn kinh doanh... và bị S chiếm đoạt với tổng số tiền 5.530.000.000 đồng, cụ thể như sau:

1. Chiếm đoạt số tiền 2.530.000.000 đồng của chị Lê Thị Hồng L2 (ở 66 Cách Mạng Tháng Tám, thành phố P1, tỉnh Gia Lai):

Vào khoảng đầu tháng 5/2018, khi đến trang điểm tại tiệm của chị Lê Thị Hồng L2 và biết được chị L2 đang có một số vốn để chuẩn bị đầu tư buôn bán nên Trần Thị S đã nảy sinh ý định lừa đảo để chiếm đoạt tài sản của chị L2. Từ đó, Trần Thị S thường xuyên đến tiệm trang điểm của chị L2 để làm quen và đưa ra các thông tin không có thật, S tự nhận mình là con riêng của ông Lê Thế T1 (Thượng tướng Lê Thế T1, Nguyên Thứ trưởng Bộ Công an) và bà Hà Thị K (là Phó chủ tịch không chuyên trách Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam), vì “cha mẹ” không dám công khai nên sau khi sinh thì đã gửi cho ông Trần Hùng P và bà Hà Thị Bé E nuôi (thực tế là bố mẹ đẻ của S). S nói với chị L2 rằng S là người làm ăn lớn, nhập các loại nước hoa, tiền đô la, vàng... từ nước ngoài về Việt Nam để kinh doanh, hiện S đang có một lô hàng với tổng giá trị vài chục tỷ đồng chuẩn bị nhập về Việt Nam nhưng vì đang bị lừa tiền, chưa có tiền đóng Hải quan nên hàng chưa về được. Để tạo niềm tin với chị L2, trước mặt chị L2, S thường xuyên nhận các cuộc gọi đến từ các đối tượng khác và nói dối với chị L2 là mình đang nói chuyện với ông T1, với kế toán của công ty, với đối tác làm ăn... rồi mở chế độ loa ngoài cho chị L2 cùng nghe; bên cạnh đó S còn cho chị L2 xem các hình ảnh, tin nhắn liên quan đến các thông tin trên (như tin nhắn báo tài khoản hơn 9 tỷ đồng, tin nhắn báo đi họp của số điện thoại được lưu tên là kế toán công ty, tiền, vàng,... do S tự tạo ra hoặc tải trên mạng về điện thoại) để

chứng tỏ rằng S là người có thân thể lai lịch như S nói và thực tế đang làm ăn kinh doanh buôn bán lớn. S còn nói bản thân mở công ty bất động sản ở Singapore, tài khoản ngân hàng của S có số tiền 8.000 tỷ đồng nhưng hiện đang bị đóng băng và rủ chị L2 góp vốn vào công ty của S để làm ăn C2. Sau khi biết chị L2 đã tin tưởng, S hỏi vay tiền của chị L2 để làm thủ tục nhập hàng tại Hải quan và hứa nếu việc buôn bán thành công thì S không những trả hết tiền gốc mà còn cho chị L2 thêm vài tỷ đồng để làm vốn kinh doanh. Ngoài ra S nói dối với chị L2 rằng mình có mối quan hệ thân thiết với ông Nguyễn Văn B2 (là Phó Chi cục quản lý thị trường Thành phố Hồ Chí Minh) và ông Nguyễn Duy N1 (tức là Tổng cục phó Tổng cục Cảnh sát Bộ Công an) rồi cho chị L2 xem ảnh của ông N1 để chị L2 thêm tin tưởng, S nói có khả năng xin việc cho anh Đặng Thành C2 (là chồng chị L2) vào làm việc tại Cục quản lý thị trường Thành phố Hà Nội với chi phí là 1.000.000.000 đồng.

Khi chị L2 đã tin tưởng S, L2 đã nhiều lần đưa tiền mặt và chuyển khoản cho S để hợp tác kinh doanh và xin việc cho anh C2 với tổng số tiền là 2.530.000.000 đồng và bị S chiếm đoạt. Các lần chuyển khoản cho S thì S yêu cầu chị L2 chuyển tiền vào nhiều số tài khoản của những người khác nhau và nói dối các số tài khoản thụ hưởng là kế toán cho công ty của S hoặc đối tác làm ăn của S... Các trường hợp chị L2 chuyển tiền vào nhiều tài khoản của người khác theo yêu cầu của S như sau:

- Ngày 24/6/2018, chị L2 chuyển 24.800.000 đồng vào tài khoản số 0101001160220 của chị Nguyễn Hải A (*Sinh năm: 1993; trú tại: Hà Nội*).

- Ngày 24/6/2018, chị L2 chuyển 2.952.000 đồng đến số tài khoản 0491000031165 của chị Trần Thị H1 (*trú tại: Nghệ An*).

- Ngày 28/6/2018, chị Lai chuyển 700.000 đồng đến số tài khoản 0911000034014 của Trần Văn V (*trú tại: Đắk Nông*).

- Ngày 04/7/2018, chị L2 chuyển số tiền 340.000.000 đồng vào tài khoản số 510520534988 của Trần Thị S.

- Ngày 09/8/2018, chị L2 chuyển số tiền 300.000.000 đồng vào tài khoản số 0021007777777 của anh Phạm Quang T3 (*Sinh năm 1980; trú tại Hà Nội*).

- Ngày 11 đến 14/8/2018, chị L2 chuyển 20.500.000 đồng đến số tài khoản 0011004365662 của Nguyễn Phương Th (*Sinh năm: 1995; trú tại: Hà Nội*).

- Ngày 22/8/2018, chị L2 chuyển số tiền 2.000.000 đồng vào tài khoản số 0901000094272 của Hoàng Trung T4 (*Sinh năm 1991; trú tại: Hà Nam*).

- Ngày 22/8/2018, chị L2 chuyển 10.000.000 đồng vào tài khoản số 0221000047327 của Phạm Thị M1 (*Sinh năm 1980; trú tại: tỉnh Ninh Bình*).

- Ngày 27/9/2018, chị L2 chuyển số tiền 20.000.000 đồng vào tài khoản số 0291000316945 của chị Trịnh Thị Lan P2 (trú tại: Hà Nội).

- Ngày 09/7/2018 đến ngày 31/7/2018 chuyển 32.902.000 đồng vào tài khoản số 0761002348226 của chị Hồ Như T5 (trú tại: tỉnh Kon Tum).

- Ngày 05/8/2018 đến 04/9/2018, chị L2 chuyển tổng số tiền 14.674.000 đồng vào tài khoản số 42904686 của ông Nguyễn Minh N2 là người quản lý ở Trung tâm Timecity Hà Nội.

- Ngày 14/8/2018 chuyển 20.000.000 đồng vào tài khoản số 0291000321562 của Trần Tr Tiên (trú tại: Gia Lai).

- Ngày 15/8/2018, chị L2 chuyển số tiền 100.000.000 đồng vào tài khoản số 0691000332146 của chị Hoàng Thị L3 (Sinh năm 1989; trú tại: Hà Nội).

- Ngày 16/8/2018, chị L2 chuyển số tiền 60.000.000 đồng vào số tài khoản 0341006848001 của anh Nguyễn Thành N3 (trú tại: tỉnh Hải Dương).

- Từ ngày 11/9/2018 đến ngày 19/9/2018 chị L2 đã chuyển 07 lần với tổng số tiền là 268.000.000 đồng vào tài khoản số 0611001907424 của Trần Trung H2 (Sinh năm: 1987; trú tại: B1, Hà Nội).

- Ngày 21/9/2018, chị L2 chuyển số tiền 80.000.000 đồng vào tài khoản số 0011004251914 của anh Đặng Mạnh Đ2 (Sinh năm 1984; trú tại: B1, Hà Nội).

- Ngày 28/9/2018, chuyển 180.000.000 đồng vào tài khoản số 00201000616058 của Trần Thị Hương L4 (Sinh năm 1996; trú tại: Hà Tĩnh).

Đến khoảng cuối tháng 10/2018, sau nhiều lần chuyển tiền cho S, chị L2 nghi ngờ S lừa đảo chiếm đoạt tiền của mình nên chị L2 đã nhắn S đến phòng trọ số 66/3 đường Lý Chính Thắng, tổ 3, phường Chi Lăng, thành phố P1 để giải quyết sự việc trên với chị L2. Tại đây S đã viết “Bản tường trình”, “Giấy tự nhận hành vi phạm tội” thừa nhận toàn bộ hành vi, thủ đoạn lừa đảo chiếm đoạt tài sản là số tiền 2.530.000.000 đồng của chị L2 và “Giấy cam kết” đến ngày 30/10/2019 sẽ trả lại toàn bộ số tiền cho chị L2. Đến thời hạn, S không trả tiền cho chị L2 theo cam kết mà bỏ trốn. Chị L2 đã viết đơn tố giác Trần Thị S gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai.

2. Chiếm đoạt số tiền 3.000.000.000 đồng của anh Lương Đình Đ (ở Công trường 306 tập thể Q1, quận B1, thành phố Hà Nội)

Khoảng cuối tháng 8/2019, Trần Thị S quen biết với anh Lương Đình Đ. Thấy anh Đ là người có điều kiện về kinh tế nên S đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Đ. S chủ động tiếp cận, thường xuyên gặp gỡ nói chuyện và tự giới thiệu với anh Đ mình là con riêng của ông Lê Thế T1 và bà Hà Thị K. S đã nói dối anh Đ là S bị sỏi thận nhưng không muốn làm phiền bố mẹ (tức ông T1 và bà K) nên đã hỏi vay của anh Đ số tiền 1.000.000.000 đồng để

thuê bác sỹ, máy móc, thiết bị về nhà để mổ sỏi thận, hứa sau 3 tháng sẽ hoàn trả. Để làm anh Đ tin tưởng, S đã tự tạo tài khoản zalo tên “Hiệp Đặng” nhận là người giúp việc của S và thường xuyên mượn điện thoại của chị Hà Thu Hương (là người quen của S, sinh năm 1990, trú tại khu tập thể 8/3, Quỳnh Mai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội) để tự ý nhắn tin cho anh Đ với nội dung “Hiệp Đặng” và chị Hương lo lắng cho S vì S đang bị sỏi thận nặng, cần phải mổ gấp, có ba mẹ S là ông T1, bà K đến thăm. Ngoài ra S còn nói dối mình có mối quan hệ thân thiết với ông Nguyễn Duy N1 và ông Lê Quý V (đều là Thứ trưởng Bộ Công an), được Bộ Công an bảo vệ; nói dối mình là người kinh doanh, buôn bán lớn, có mỏ vàng ở Dubai, có biệt thự ở quận Tây Hồ - thành phố Hà Nội... Để anh Đ tin tưởng S có mối quan hệ thân thiết với các lãnh đạo cấp cao, khi ở trước mặt anh Đ, S thường xuyên nói chuyện điện thoại, sau đó nói lại với anh Đ là vừa nói chuyện với chú N1 (Thứ trưởng), bác V (Thứ trưởng). S nói với anh Đ sắp mở Công ty Erkeo Group kinh doanh bất động sản và sẽ cho anh Đ góp 3.000.000.000 đồng để cùng đầu tư kinh doanh và khi nào kinh doanh ổn định S sẽ xin cho anh Đ làm việc tại Cơ quan An ninh Bộ Công an và hỏi mượn anh Đ 2.000.000.000 đồng để mở công ty. Do tin tưởng S nói là thật nên anh Đ cho S mượn 1.000.000.000 đồng để mổ sỏi thận và 2.000.000.000 đồng để mở công ty. Khi anh Đ chuyển tiền thì S lấy lý do không muốn bố mẹ biết việc vay tiền nên đã yêu cầu anh Đ chuyển tiền đến nhiều số tài khoản khác nhau. Anh Đ đã nhiều lần chuyển tiền cho S vào tài khoản của nhiều người khác nhau theo yêu cầu của S như sau:

- Ngày 30/12/2019, anh Đ chuyển khoản 300.000.000 đồng; ngày 17/01/2020 anh Đ chuyển khoản 300.000.000 đồng; ngày 14/02/2020, anh Đ chuyển khoản 140.000.000 đồng vào số tài khoản 12510000990225 của Hà Thu H4 (sinh năm 1990; trú tại: Thái Bình) mở Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Đông Đô.

- Ngày 08/01/2020, anh Đ chuyển 200.000.000 đồng vào tài khoản số 040049696592 của Trần Hồng C (Sinh năm: 1992; trú tại: xã S1, huyện S2, Kon Tum; em trai S) mở tại Ngân hàng Sacombank - Chi nhánh Kon Tum.

- Ngày 17/01/2020, anh Đ chuyển khoản 50.000.000 đồng vào tài khoản số 19034103586014 của anh Nguyễn Thanh X (Sinh năm: 1983; trú tại: Hà Nội) mở tại Ngân hàng Techcombank.

- Ngày 27/02/2020, anh Đ chuyển 40.000.000 đồng vào tài khoản số 19021108787013 của anh Trần Đức Tr (Sinh năm: 1990; trú tại: Tp. Hà Nội) mở tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam.

- Ngày 03/3/2020, anh Đ chuyển khoản 1.000.000.000 đồng; ngày 05/3/2020 anh Đ nhờ chị Nguyễn Thị L4 (trú tại: Tp. Hà Nội) chuyển

500.000.000 đồng vào tài khoản số 19033922729014 mở tại Ngân hàng Techcombank của Nguyễn Thùy D2 (*trú tại: Hà Nội*).

- Ngày 28/3/2020, anh Đ chuyển 180.000.000 đồng vào tài khoản số 0331000455769 mở tại Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Sài Gòn của Vũ Nguyễn Quỳnh Nh (*Sinh năm 1987; trú tại: Bà Rịa – Vũng Tàu*).

Sau khi nhận được tổng cộng 3.000.000.000 đồng, S không mỗ sởi thận, mở công ty hay xin việc như đã nói mà chiếm đoạt sử dụng cho cá nhân. Đến ngày 22/4/2020, anh Đ đã làm đơn tố giác hành vi lừa đảo của S.

Tổng cộng, Trần Thị S lừa đảo chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Hồng L2 và anh Lương Đình Đ 5.530.000.000 đồng. Số tiền chiếm đoạt này, S khai sử dụng để trả nợ cho người khác, chi tiêu cá nhân như thuê nhà ở, thuê khách sạn ở Hà Nội, ăn uống sinh hoạt, mua hàng hóa đắt tiền, trả tiền mua vé máy bay... Đến ngày 04/11/2020 thì Trần Thị S bị giữ trong trường hợp khẩn cấp về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Đối với các chủ tài khoản mà S yêu cầu chị L2, anh Đ chuyển tiền, qua điều tra xác minh lấy lời khai, các chủ tài khoản này không có quan mối quan hệ gì với chị L2, anh Đ. Họ chỉ quen biết S nên khi được S hỏi mượn tài khoản để chị L2 chuyển tiền thì đã đồng ý cho S mượn tài khoản cá nhân của mình để chị L2 chuyển tiền. Những người này không biết tiền này do S lừa đảo mà có. Sau khi nhận tiền đã rút tiền mặt đưa hết cho S. Ngoài ra S mua hàng hóa, đặt vé máy bay, thuê nhà ở và yêu cầu chị L2 chuyển tiền vào tài khoản những người này.

*** Vật chứng vụ án:**

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro max, màu xanh đen
- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy, màu tím.
- 01 (một) đồng hồ dây da màu đen.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng số 34/2022 ngày 27/01/2022 giữa Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Gia Lai với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai).

*** Về Dân sự:**

Sau khi bị chị Lê Thị Hồng L2 tố giác, bị cáo đã trả cho chị L2 200.000.000 đồng. Hiện chị L2 yêu cầu bị cáo phải trả 2.330.000.000 đồng. Anh Lương Đình Đ yêu cầu bị can phải trả lại 3.000.000.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 37/2022/HS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

- Tuyên bố bị cáo Trần Thị S phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Áp dụng điểm a khoản 4 điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Trần Thị S 14 (mười bốn) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; Thời hạn tù tính từ ngày 04/11/2020.

- Về phần dân sự: Áp dụng khoản 1 điều 48 BLHS; Điều 584, 585, 586, 589 BLDS xử :

Buộc Trần Thị S phải bồi thường:

+ Bồi thường Cho chị Lê Thị Hồng L2 2.330.000.000 đồng.

+ Bồi thường cho Anh Lương Đình Đ 3.000.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phân xử lý vật chứng, án phí và công bố quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/6/2022, người bị hại Lương Đình Đ kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm:

- Hủy bản án sơ thẩm, trả hồ sơ điều tra lại để làm rõ dòng tiền phạm pháp và thu hồi tài sản trả lại cho bị hại.

- Trường hợp không trả hồ sơ để điều tra lại thì đề nghị Tòa án có phương án thu hồi tiền phạm tội từ những người đang cầm giữ để hoàn trả cho bị hại.

- Đề nghị Tòa án tăng nặng hình phạt đối với bị cáo Trần Thị S trong trường hợp S không khắc phục hậu quả.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về nội dung đơn kháng cáo của người bị hại Lương Đình Đ thì thấy: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên của tỉnh Gia Lai trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Cơ quan điều tra đã xác minh, điều tra làm rõ nội dung vụ án, số tiền mà người bị hại bị chiếm đoạt đúng như nội dung mà người bị hại khai nhận. Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số: 37/2022/HS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã xét xử bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 điều 174 và xử phạt bị cáo 14 (mười bốn) năm tù là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 BLTTHS không chấp nhận kháng cáo của người bị hại Lương Đình Đ và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét kháng cáo của người bị hại Lương Đình Đ thì thấy: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, các cơ quan tiến hành tố tụng đã điều tra, xác minh làm rõ đầy đủ các khoản tiền mà bị cáo đã lừa đảo chiếm đoạt của người bị hại Lương Đình Đ. Theo đó, các cơ quan tiến hành tố tụng ở cấp sơ thẩm đã xác định được người bị hại Lương Đình Đ đã chuyển khoản 03 lần vào số tài khoản 12510000990225 của Hà Thu Hương mở Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Đông Đô với tổng số tiền là 740.000.000 đồng; chuyển khoản 01 lần vào tài khoản số 040049696592 của Trần Hồng Cường mở tại Ngân hàng Sacombank - Chi nhánh Kon Tum số tiền 200.000.000 đồng; chuyển khoản 01 lần vào tài khoản số 19034103586014 của anh Nguyễn Thanh Xuân mở tại Ngân hàng Techcombank số tiền 50.000.000 đồng; chuyển khoản 01 lần vào số 19021108787013 của anh Trần Đức Trung mở tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam số tiền 40.000.000 đồng; nhờ chị Nguyễn Thị Ly chuyển khoản 01 lần vào số 19033922729014 mở tại Ngân hàng Techcombank của Nguyễn Thùy Dương số tiền 500.000.000 đồng; chuyển khoản 01 lần vào tài khoản số 0331000455769 mở tại Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Sài Gòn của Vũ Nguyễn Quỳnh Như số tiền 180.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của người bị hại Lương Đình Đ là 3.000.000.000 đồng. Giá trị tài sản bị chiếm đoạt này phù hợp với lời khai của người bị hại Lương Đình Đ. Đồng thời, Bản án hình sự sơ thẩm số: 37/2022/HS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã giải quyết về phần dân sự tuyên buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại Lương Đình Đ số tiền 3.000.000.000 đồng là phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm người bị hại Lương Đình Đ không có tài liệu chứng cứ chứng minh quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm, không có tài liệu chứng cứ để tăng mức hình phạt cho bị cáo nên HĐXX không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của người bị hại.

[3] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[4] Người bị hại Lương Đình Đ phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của người bị hại Lương Đình Đ, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Trần Thị S phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Áp dụng điểm a khoản 4 điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Trần Thị S 14 (*mười bốn*) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/11/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 điều 48 BLHS; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự

Buộc bị cáo Trần Thị S bồi thường cho người bị hại số tiền 3.000.000.000 đồng.

Từ ngày người bị hại Lương Đình Đ có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền mà bị cáo Trần Thị S phải thanh toán, nếu bị cáo Trần Thị S không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì hàng tháng phải chịu thêm khoản lãi tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán theo Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Buộc người bị hại Lương Đình Đ phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Gia Lai;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Tồn

